

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 229/2024/DS-PT

Ngày: 24 - 7 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr.

Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 150/2024/TLPT – DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’Gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 171/2024/QĐ-PT ngày 08/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị D L

Địa chỉ: Số E, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Kim Y;

Địa chỉ: C tầng A, L, Chung cư H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T;

Địa chỉ: Số A đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Thanh S

Địa chỉ: Số A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Anh Trần Ngọc T1 S1

Địa chỉ: Số A đường N, tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk
(có mặt)

2. Chị Vũ Thị T2 T1

Địa chỉ: A.DV01, Khu nhà ở xã hội đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Cao A S2

Địa chỉ: A.DV01, Khu nhà ở xã hội đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm T3 T2;

Địa chỉ: Số E, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Di L người đại diện theo ủy quyền của bà L1 ông Trần V T3 trình bày:

Bà Lê Thị Di L ông Lê Thanh S1 chỗ quen biết làm ăn với nhau. Ông S2 dịch vụ đảo hạn Ngân hàng nên thường xuyên vay tiền của bà L2 làm dịch vụ.

Ngày 08/01/2022, ông Lê Thanh S3 tiền của bà L3 tiền 50.000.000 đồng bằng tiền mặt và viết giấy vay tiền.

Ngày 15/01/2022, ông Lê Thanh S3 của bà L3 tiền 570.000.000 đồng bằng tiền mặt và viết giấy vay tiền.

Ngày 03/12/2022, ông Lê Thanh S3 của bà L3 tiền 100.000.000 đồng bằng tiền mặt và viết giấy vay tiền.

Tổng số tiền mặt ông S3 của bà L1 720.000.000 đồng.

Ngoài các khoản vay bằng tiền mặt kể trên, ông S4 vay của bà L4 số tiền bằng hình thức chuyển khoản. Doanh nghiệp của bà L5 thực hiện chuyển khoản vào tài khoản số 3430162131279 tại Ngân hàng TMCP Q Chi nhánh Đ tên chủ tài khoản Lê Thanh S5 thẻ:

- Ngày 12/10/2022, chuyển khoản 175.000.000 đồng.

- Ngày 13/10/2022, chuyển khoản 300.000.000 đồng.

- Ngày 02/12/2022, chuyển khoản 300.000.000 đồng.

Tổng cộng, ông Lê Thanh S6 vay của bà L3 tiền 1.495.000.000 đồng. Đã nhiều lần bà L6 cầu ông S7 trả số tiền trên cho bà L7 ông S8 ý không trả với lý do ông S9 số tiền trên cho người khác nhưng họ không trả nên ông S10 thu hồi được nợ để trả cho bà L8 đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà L9 kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thanh S11 trả cho bà L3 tiền 1.495.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đối với các khoản vay trên theo lãi suất Ngân hàng là 90.000.000 đồng, tổng cộng là 1.585.000.000 đồng.

Ngày 09/11/2023, bà L10 đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Thanh S12 phần tiền gốc và lãi của các khoản vay chuyển khoản. Cụ thể: Số tiền 175.000.000 đồng ngày 12/10/2022, số tiền 300.000.000 đồng ngày 13/10/2022 và số tiền 300.000.000 đồng ngày 02/10/2022.

Hiện tại, bà L11 định chỉ còn khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh S11 trả số tiền nợ gốc 720.000.000 đồng và tiền lãi là 27.888.000 đồng (tạm tính từ ngày 06/01/2023 đến ngày 25/5/2023 là 05 tháng 20 ngày theo mức lãi suất 0,83%/tháng), tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 26/5/2023 theo mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi trả xong nợ gốc.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với lãi suất như sau: Đối với khoản vay ngày 08/01/2022, ông S13 của bà L3 tiền 50.000.000 đồng, hạn 01 tháng sau trả, yêu cầu tính lãi suất từ ngày vi phạm 09/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Đối với khoản vay ngày 15/10/2022 và ngày 03/12/2022, không hạn thời gian trả, yêu cầu tính lãi xuất kể từ ngày khởi kiện là ngày 06/6/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,83%/tháng, tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 27/4/2024 theo mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến khi trả xong nợ gốc.

Tại đơn trình bày ý kiến, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự và quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Thanh S14 người đại diện theo ủy quyền của ông S1 anh Trần Ngọc T1 S1 trình bày:

Từ khoảng tháng 9/2021, ông S15 mua bán card điện thoại các loại từ bà Nguyễn Thị Thu T4 bỏ lại cho bà Lê Thị D LTrong quá trình mua bán, bà T4 yêu cầu ông S16 trước tiền rồi mới giao hàng nên ông S6 bàn với bà L được sự đồng ý của bà L12 nhiều lần cho bà T4 ứng tiền hàng, cộng lại là 2.240.000.000 đồng. Đến ngày 30/12/2022, bà T4 chết đột ngột nên không thanh toán lại số tiền đã ứng nêu trên. Từ lý do đó, ông S14 bà L5 thỏa thuận và đi đến thống nhất đến ngày 04/01/2023, ông S6 giải quyết xong số tiền trên cho bà L (có giấy nhận tiền ngày 04/01/2023).

Số tiền ông S15 mượn ứng tiền bà L14 sau:

- Ngày 08/01/2022, ông S13 50.000.000 đồng.
- Ngày 15/10/2022, ông S13 570.000.000 đồng.
- Ngày 03/12/2022, ông S13 100.000.000 đồng.

Tất cả số tiền ông S13 bà L15 trên hai bên đã thỏa thuận đi đến thống nhất và ông S6 thanh toán đủ cho bà L16 giấy nhận tiền ngày 04/01/2023.

Còn các ngày 12/10/2022, ngày 13/10/2022 và ngày 02/12/2022 là bà L17 tiền lấy hàng (card điện thoại), đã thanh toán xong.

Ông S10 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L18 việc buộc ông S17 số tiền nợ gốc 720.000.000 đồng và tiền lãi là 27.888.000 đồng. Vì ông S6 trả hết nợ cho bà L19 hiện bằng tài liệu, chứng cứ là Giấy nhận tiền ngày 04/01/2023 có chữ ký, chữ viết của bà L20 liệu này ông S6 cung cấp bản photo cho Tòa án, hiện ông S18 giữ bản gốc.

Đối với đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L12 các khoản vay chuyển khoản tổng cộng 775.000.000 đồng mà không có lý do cụ thể nên ông S19 cầu Tòa án làm rõ bà L18 tội Vu khống, bồi thường danh dự cho ông S14 bác yêu cầu khởi kiện của bà L21 không trung thực.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm T3 T2 trình bày:

Ông Phạm T3 T2 là con của bà L22 T2 không có quan hệ gì với ông S6 giữa ông T2 và ông S15 mua bán card điện thoại với nhau, ông T2 là người mua, còn ông S1 người bán. Ông T2 có sử dụng số tài khoản 3920011995 tại Ngân hàng TMCP Q(M) để thanh toán các giao dịch mua bán card điện thoại với ông S6 ngày 02/12/2022, ông T2 có mượn của ông S20 tiền 490.000.000 đồng thông qua nhận chuyển khoản. Chiều cùng ngày, ông T2 đã trả lại toàn bộ số tiền nêu

trên cho ông S21 với số tiền 300.000.000 đồng do Doanh nghiệp tư nhân T6 chuyển khoản cho ông S1 do ông S13 của bà L23 không liên quan gì đến việc mua bán giữa ông T2 và ông S. Ông T2 đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng anh Trần Ngọc T5 bày:

Anh Trần Ngọc T1 S1 là con rể của ông S22 S1 không có mối quan hệ gì với bà L. Anh S1 không biết mối quan hệ làm ăn giữa ông S14 và bà L24 dung Giấy nhận tiền ngày 04/01/2023 là do anh S1 viết, viết tại quán C1 địa chỉ: đường P, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Tại thời điểm viết giấy chỉ có anh S1 và bà L25 ra không còn ai khác. Anh S1 viết Giấy nhận tiền nêu trên theo ý kiến của ông S14 và bà L21 trước đó ông S15 trao đổi với anh S1 về việc ông S4 nợ bà L3 tiền 2.240.000.000 đồng và nhờ anh S1 đại diện cho ông S23 gặp bà L2 trả tiền ông S4 nợ cho bà L26 S1 đã trả cho bà L3 tiền mặt là 1.472.000.000 đồng và chuyển khoản cho bà L3 tiền 768.000.000 đồng. Về nguồn gốc số tiền ông S24 anh S1 trả nợ cho bà L1 của bà Hứa Thị Kim C vợ cũ của ông S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D L

Buộc ông Lê Thanh S11 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Di L27 tiền 790.542.000 đồng. Trong đó, tiền gốc là 720.000.000 đồng và tiền lãi suất là 70.542.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu buộc ông Lê Thanh S25 cho bà Lê Thị Di L28 gốc và lãi của các khoản vay chuyển khoản. Cụ thể: Số tiền 175.000.000 đồng ngày 12/10/2022, số tiền 300.000.000 đồng ngày 13/10/2022 và số tiền 300.000.000 đồng ngày 02/10/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/5/2024, bị đơn ông Lê Thanh S có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, lập luận Đại diện viện kiểm sát cho rằng cần phải xác minh thu thập thêm tài liệu chứng cứ và đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng mà tại cấp phúc thẩm không thực hiện bổ sung được. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Thanh S được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Thanh S26 đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ các Giấy mượn tiền ngày 08/01/2022, ngày 15/10/2022 và ngày 03/12/2022, thì hai bên đều thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các Giấy mượn tiền trên là của ông Lê Thanh S27 vậy, có đầy đủ căn cứ để xác định rằng từ ngày 08/01/2022 đến ngày 03/12/2022, ông S15 vay mượn của bà L29 số tiền là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Xét số tiền 2.240.000.000 đồng ông S6 trả cho bà L30 ngày 04/01/2023 thì thấy rằng: Tại Giấy nhận tiền ngày 04/01/2023 có nội dung xác nhận của bà L“... Trong quá trình mua bán Car điện thoại ông Lê Thanh S28 mượn tôi số tiền là: 2.240.000.000 (Hai tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng). Nay tôi viết giấy này xác nhận là ông S6 trả cho tôi đủ với số tiền như trên là: 2.240.000.000 đồng. Mọi hóa đơn chứng từ của ông S29 quan tới việc mua bán Car sau này đã thanh toán đầy đủ ...”. Theo như nội dung trên, thì xác định được số tiền 2.240.000.000 đồng mà ông S25 cho bà L1 tiền ông S30 bà L31 quá trình mua bán sim card điện thoại.

Tuy nhiên, các Giấy vay tiền từ ngày 08/01/2022 đến ngày 03/12/2022 mà bà L32 cấp thì không ghi rõ mục đích của việc vay tiền. Bà L cho rằng bà đã nhiều lần cho ông S16 tiền để phục vụ cho việc mua bán sim card, các lần ứng tiền trước hai bên không hề viết giấy mượn tiền mà chỉ chốt sổ và thanh toán với nhau. Theo lời trình bày của ông S31 ngày 10/8/2023 (BL41) và theo hóa đơn bán lẻ ngày 30/12/2022 do ông S32 cấp (BL75B), thì ông S6 ứng nhiều lần tiền của bà L2 mua bán sim card điện thoại, đến ngày 30/12/2022 (sau thời điểm vay số tiền 720.000.000 đồng), số tiền ông S16 của bà L để mua bán sim card điện thoại là 1.520.000.000 đồng cộng với số tiền vay 720.000.000 đồng nữa thì ông S33 nợ bà L29 số tiền là 2.240.000.000 đồng.

Như vậy, việc ông S34 rằng số tiền 720.000.000 đồng ông mượn của bà L1 để nhằm mục đích mua bán sim card điện thoại. Tuy nhiên, lại không cộng dồn

với tiền mua bán sim card vào trong khoản tiền 1.520.000.000 đồng khi chốt nợ với bà L33 lại tách riêng thành 01 khoản vay khác là chưa được lý giải được rõ ràng, thống nhất và còn có sự mâu thuẫn. Nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm chưa đối chất, làm rõ được việc vay số tiền 720.000.000 đồng là khoản vay riêng hay là tiền ứng mua bán sim card điện thoại?

Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp thêm tài liệu mới là Vi bằng là đoạn video thể hiện việc anh S1 trả nợ cho bà L34 cho ông S14 anh S1 xác định số tiền anh đi trả nợ cho bà L1 do bà C (vợ cũ của ông S34) vay để anh S1 trực tiếp đi trả nợ thay ông S Do đó cần đưa bà C2 S1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên, thì mới đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và giải quyết vụ án được khách quan toàn diện.

Từ những phân tích nhận định trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Thanh S35 toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Do hủy bản án, nên bị đơn ông Lê Thanh S kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Thanh S;
- Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk và chuyển **hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.**

2. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị đơn ông Lê Thanh S36 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'Gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'Gar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Kim Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Dân Nguyễn Duy Thuận

Nguyễn Ngọc Sâm